



INTERNATIONAL MONETARY FUND

Public Information Notice



Bản công bố thông tin cho Công chúng (PIN) No.13/304
ĐỂ CÔNG BỐ NHANH
Ngày 9 tháng 8, 2013

Quỹ Tiền tệ Quốc tế
700 19th Street, NW
Washington, D. C. 20431 USA

Ban Giám đốc Điều hành IMF kết luận về Đợt Tham khảo Điều IV năm 2013 của IMF với Việt Nam

Ngày 24/6/2013, Ban Giám đốc Điều hành Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã đưa ra kết luận về Đợt Tham khảo Điều IV Điều lệ Quỹ với Việt Nam.¹

Bối cảnh

Việt Nam đã lấy lại được sự ổn định kinh tế vĩ mô trong năm qua, nhưng nền kinh tế đang phát triển với hai tốc độ. Xuất khẩu đang tiến triển tốt - đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài - nhưng khu vực trong nước, mặc dù đang được cải thiện, vẫn chưa tìm được một nền tảng vững chắc bởi một vài yếu tố, bao gồm năng suất thấp, cấu trúc phân bổ nguồn lực, các bảng cân đối ngân hàng gặp vấn đề và một số doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả (DNNN). Tăng trưởng tín dụng thực còn ở mức khiêm tốn, chủ yếu tập trung ở các khu vực hướng về xuất khẩu và nông nghiệp. Lạm phát chung đã giảm đáng kể, nhưng vẫn còn chịu áp lực. Thu ngân sách trong nước và thu liên quan tới nhập khẩu đã có phần yếu đi trong những tháng gần đây. Thặng dư tài khoản vãng lai tăng mạnh lên 9,1 tỷ USD trong năm 2012 từ mức 0,2 tỷ USD trong năm 2011, do nhập khẩu giảm và xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ. Tỷ giá hối đoái đã được ổn định, và tổng dự trữ quốc tế đã tăng lên hơn gấp đôi vào tháng 2 năm 2013 so với cuối năm 2011, mặc dù vẫn còn ở mức chưa đủ khoảng 2 tháng rưỡi nhập khẩu. Trong 2 năm tới, thặng dư tài khoản vãng lai được dự kiến vẫn ở mức cao và luồng vốn FDI vẫn mạnh mẽ, hỗ trợ cho dự trữ quốc tế. Tăng trưởng trong năm 2013

¹ Theo Điều IV Điều lệ Quỹ Tiền tệ Quốc tế, IMF thực hiện thảo luận song phương với các nước hội viên, thông thường là hàng năm. Một đoàn cán bộ tới làm việc ở quốc gia hội viên, thu thập thông tin kinh tế và tài chính, và thảo luận với các nhà chức trách về diễn biến kinh tế và các chính sách của quốc gia. Khi trở về trụ sở chính, cán bộ Quỹ soạn thảo một báo cáo, là cơ sở để Ban GĐĐH thảo luận. Khi kết thúc thảo luận, Tổng Giám đốc Điều hành, là Chủ tịch Ban GĐĐH, tóm tắt quan điểm của các GĐĐH, và tóm tắt này được chuyển cho các nhà chức trách của quốc gia. Bản giải thích về các yếu tố điều chỉnh được sử dụng trong bản tóm tắt có thể tìm thấy ở đây: <http://www.imf.org/external/np/sec/mics/qualifiers.htm>.

được dự báo là 5 $\frac{1}{3}$ phần trăm, nhờ xuất khẩu hỗ trợ. Triển vọng này dựa trên sự cải thiện của nền kinh tế toàn cầu, chính sách tỉ giá và tiền tệ nhìn chung không thay đổi, và gói kích thích tài khóa được rút về một cách có tính toán.

Các nhà chức trách đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm chế những yếu tố nhạy cảm trong khu vực ngân hàng và thúc đẩy cải cách trong khu vực DNNN. Thị trường tài chính đã bình ổn đã trở lại sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cung ứng thanh khoản và tạo điều kiện để hợp nhất một số ngân hàng nhỏ, yếu kém trong hai năm qua. Hơn nữa, để giảm các rủi ro trong bảng cân đối kế toán của ngân hàng từ việc đầu cơ vàng, NHNN cũng đã thực hiện biện pháp để dừng các hoạt động cho vay và nhận tiền gửi bằng vàng. Trong khi một số ngân hàng yếu kém không đáp ứng được các điều kiện cần thiết để được tiếp cận thị trường liên ngân hàng và phải dựa vào công cụ tái cấp vốn và hoạt động thị trường mở của Ngân hàng Nhà nước để hỗ trợ thanh khoản khi cần thiết, hoạt động của thị trường liên ngân hàng nhìn chung đã được khôi phục. Thanh khoản hệ thống ngân hàng đã tốt hơn, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng tiền gửi cao hơn và chi phí vốn giảm đáng kể. Chính phủ đã đề ra một kế hoạch tái cơ cấu và yêu cầu các DNNN phải thoái vốn khỏi các tài sản nằm ngoài hoạt động kinh doanh chính, làm rõ các kênh báo cáo, và cải thiện công tác kiểm soát nội bộ và báo cáo tài chính. Dự kiến khoảng 1.200 DNNN sẽ được tái cơ cấu, trong đó có một số doanh nghiệp đang làm ăn thua lỗ hay mới chỉ đạt được ở mức hòa vốn. Chiến lược cải cách giai đoạn 2011-2015 tập trung vào việc giữ lại quyền sở hữu toàn bộ đối với khoảng 50 phần trăm DNNN đang hoạt động trong lĩnh vực công ích hay có lợi ích chiến lược, trong đó một số doanh nghiệp có sức mạnh độc quyền đáng kể. Khoảng 43 phần trăm DNNN sẽ được cổ phần hóa, và số còn lại sẽ được tái cấu trúc, bán hay thanh lý.

Tuy nhiên, khu vực tài chính và DNNN vẫn là nguồn rủi ro chính. Do kết quả của các chính sách trước đây, một phần hệ thống ngân hàng bị thiếu vốn, không đủ trích lập dự phòng, và lợi nhuận thấp. Hơn nữa, có một sự sở hữu chéo giữa các ngân hàng cũng như giữa ngân hàng và doanh nghiệp đã nhận được sự quan tâm và nỗ lực của Chính phủ nhằm giải quyết và ngăn ngừa rủi ro lan truyền. Những hạn chế về số liệu và khuôn khổ pháp lý và giám sát đã cản trở nhận thức về tình trạng thực sự của hệ thống tài chính. DNNN chiếm ưu thế trong các ngành quan trọng, và xét về tổng thể có biên độ lợi nhuận cao, mặc dù tình trạng tài chính thực tế của họ vẫn chưa được công khai. Ước tính gần đây cho thấy DNNN chiếm 1/3 tổng tài sản có kinh doanh, và 1/6 công ăn việc làm. Họ chiếm 1/2 thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp và 1/3 thu thuế giá trị gia tăng trong nước.

Đánh giá của các Giám đốc Điều hành

Các Giám đốc Điều hành (GĐĐH) hoan nghênh Chính phủ Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể trong ổn định nền kinh tế trong vòng 2 năm qua, nhưng lưu ý rằng Việt Nam sẽ phải đối mặt với các rủi ro lớn trong và ngoài nước trong giai đoạn tới. Theo đó, các GĐĐH nhấn mạnh sự cần thiết phải tránh nới lỏng vị thế chính sách tại giai đoạn bước ngoặt này, và cần thúc đẩy cải cách cơ cấu.

Các GĐĐH khuyến khích NHNN tiếp tục tập trung đạt được lạm phát thấp và ổn định, hỗ trợ neo tỷ giá, và tăng dự trữ ngoại hối. Trong ngắn hạn, các GĐĐH cho rằng có ít cơ hội để NHNN

tiếp tục cắt giảm lãi suất do việc này có thể khiến NHNN gặp phải rủi ro về uy tín trong việc chống lạm phát. Nói chung, các GĐĐH cho rằng có thể củng cố hơn nữa khuôn khổ chính sách tiền tệ bằng cách dựa nhiều hơn vào các công cụ thị trường và thông tin nhiều hơn cho công chúng về các chính sách trong tương lai.

Các GĐĐH đồng ý rằng việc tiếp tục củng cố tài khóa vẫn phù hợp, xét tới các nghĩa vụ nợ dự phòng lớn từ các DNNN và ngân hàng. Theo đó, các GĐĐH khuyến nghị không nên giảm thuế hơn nữa và nên yêu cầu các DNNN làm ăn có lãi trả cổ tức. Họ hoan nghênh cam kết của các nhà chức trách về tăng cường tiếp cận xã hội toàn diện, và đồng ý rằng chi tiêu xã hội nên được giám sát và xác định ưu tiên cho đầu tư công trong nỗ lực củng cố tài khóa. Các GĐĐH cũng cho rằng cần chuẩn bị cho các khoản chi tiêu không lường trước gắn với cải cách cơ cấu DNNN.

Các GĐĐH nhận thấy rằng Chính phủ Việt Nam đang thực hiện nhiều việc để giải quyết các yếu kém trong lĩnh vực tài chính. Tuy nhiên, họ lưu ý rằng các vấn đề vẫn còn tồn tại và trở nên lớn hơn khi kết hợp với những thiếu hụt về thông tin. Để hệ thống ngân hàng khỏe mạnh trở lại, các GĐĐH khuyến khích Chính phủ thực hiện các bước khuyến nghị của Chương trình Đánh giá Khu vực Tài chính. Đặc biệt, cần thực hiện các biện pháp để cấp vốn bổ sung cho các ngân hàng, củng cố giám sát và quản lý ngân hàng, và thực hiện kế hoạch xử lý nợ xấu. Củng cố phân tích rủi ro tín dụng và quản trị bằng cách tăng cường tính minh bạch nên tiếp tục là yếu tố ưu tiên hàng đầu.

Các GĐĐH nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải cách DNNN để tăng cường tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam và giảm rủi ro tài khóa. Họ nhấn mạnh sự cần thiết của việc thành lập một ủy ban chỉ đạo cấp cao nhằm thúc đẩy tái cơ cấu DNNN. Cần đẩy mạnh cổ phần hóa các DNNN, củng cố trách nhiệm giải trình và kỷ luật tài chính. Các GĐĐH khuyến khích việc tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, đảm bảo tiếp cận vốn một cách công bằng, và tạo điều kiện cạnh tranh hơn trong các khu vực do nhà nước chi phối, bao gồm cơ sở hạ tầng.

Các GĐĐH đồng ý rằng việc tiếp tục giảm sử dụng các công cụ hành chính trong quản lý kinh tế vĩ mô sẽ giúp củng cố khuôn khổ chính sách và triển vọng trung hạn. Họ đồng ý rằng một cơ chế thả nổi có quản lý cho phép tỷ giá linh hoạt hơn qua thời gian là mối quan tâm của Việt Nam. Các GĐĐH cũng ủng hộ việc tăng tính độc lập trong hoạt động và đơn giản hóa mục tiêu cho NHNN.

Bản Công bố Thông tin cho Công chúng (PIN) là một phần trong nỗ lực của IMF nhằm tăng cường tính minh bạch về các quan điểm và phân tích của IMF về chính sách và phát triển kinh tế. Với sự đồng ý của (các) nước liên quan, PIN được phát hành sau khi Ban Giám đốc Điều hành thảo luận về kết quả của đợt tham vấn theo Điều IV với nước hội viên, về giám sát của IMF đối với diễn biến ở cấp khu vực, giám sát sau khi kết thúc chương trình, và hậu đánh giá nước hội viên có chương trình dài hạn. PIN cũng được phát hành sau khi Ban Giám đốc Điều hành thảo luận về các vấn đề chính sách chung, trừ khi Ban Giám đốc Điều hành có quyết định khác trong từng trường hợp cụ thể.

Bảng 1. Các chỉ số Kinh tế lựa chọn, 2009–14^{1/}

	2009	2010	2011	Thời gian	Dự đoán	
				2012	2013	2014
Đầu ra						
GDP thực (thay đổi phần trăm)	5.4	6.4	6.2	5.2	5.3	5.4
Tiết kiệm và đầu tư (theo phần trăm GDP)						
Tiết kiệm tổng quốc nội	30.7	31.6	29.7	33.0	29.4	26.3
Tư nhân	26.4	25.3	25.1	30.8	27.5	24.8
Công	4.4	6.3	4.5	2.1	1.9	1.5
Tổng đầu tư	37.2	35.7	29.8	27.2	24.0	23.1
Tư nhân	24.8	24.9	21.6	20.1	18.2	17.7
Công	12.3	10.8	8.2	7.1	5.8	5.4
Giá cả (thay đổi phần trăm)						
CPI (chu kỳ trung bình)	6.7	9.2	18.7	9.1	8.8	7.4
CPI (cuối kỳ)	6.5	11.7	18.1	6.8	8.2	7.9
Lạm phát cơ bản (cuối kỳ)	6.6	9.8	14.3	9.6
Tài chính chung của Chính phủ (theo phần trăm GDP)						
2/						
Doanh thu và tài trợ	25.0	27.2	25.2	22.9	22.2	21.7
<i>Trong đó:</i> Doanh thu Dầu	3.4	3.2	3.8	3.2	2.8	2.8
Chi tiêu	31.6	30.0	28.1	27.7	26.2	25.7
Chi tiêu	19.3	19.2	20.0	20.6	20.4	20.2
Mua lại của tài sản phi tài chính	12.3	10.8	8.2	7.1	5.8	5.4
Vay ròng (+)/ mượn (-) 3/	-6.6	-2.8	-2.9	-4.8	-4.0	-4.0
Nợ công và nợ đảm bảo công khai (cuối kỳ)	46.9	51.7	47.9	51.3	50.4	50.5
Tiền và tín dụng (thay đổi phần trăm, cuối kỳ)						
Tiền rộng (M2)	29.0	33.3	12.1	18.5	16.1	15.7
Tín dụng đối với nền kinh tế	39.6	32.4	14.3	8.7	12.4	13.1
Lãi suất (theo phần trăm, cuối kỳ)						
Lãi suất huy động 3 tháng danh nghĩa (hộ gia đình)	10.7	11.6	14.9	9.4
Lãi suất cho vay ngắn hạn danh nghĩa (dưới một năm)	12.7	14.0	16.4	12.3
Cán cân thanh toán (theo phần trăm của GDP, trừ khi có chỉ định khác)						
Số dư tài khoản hiện tại (bao gồm cả chuyển giao chính thức)	-6.0	-3.8	0.2	5.9	5.6	3.3
Xuất khẩu f.o.b.	56.2	64.0	72.0	75.0	77.9	77.7
Nhập khẩu f.o.b.	64.3	68.5	72.3	68.5	71.0	73.6
Vốn và tài khoản tài chính	11.2	4.1	4.1	4.5	2.5	0.7
Tổng dự trữ quốc tế (hàng tỷ đôla Mỹ) 4/	14.1	12.4	13.5	25.4	38.7	46.1
Trong các tháng nhập khẩu tiềm năng GNFS	1.9	1.4	1.4	2.3	3.1	3.2
Tổng nợ nước ngoài (cuối kỳ) 5/	41.6	44.3	37.9	39.0	39.1	38.3
Tỷ giá hối đoái danh nghĩa (VND/USD, cuối kỳ)	18,479	19,498	21,034	20,840
Tỷ giá hối đoái hiệu quả danh nghĩa (cuối kỳ)	80.8	81.0	68.2	67.6
Tỷ giá hối đoái hiệu quả thực (cuối kỳ)	116.2	117.4	122.7	122.0
Khoản mục ghi nhớ:						
GDP (trong hàng nghìn tỷ đồng theo giá thị trường hiện tại)	1,809	2,158	2,780	3,245	3,684	4,155
GDP (hàng nghìn tỷ đô la Mỹ)	101.6	112.8	134.6	152.8	170.0	187.0
GDP bình quân (theo đô la Mỹ)	1,182	1,298	1,532	1,814	1,997	2,174

Nguồn: Theo dự đoán và ước tính của các nhà chức trách Việt Nam; và các cán bộ IMF.

1/ Các nhà chức trách đã thực hiện tái cơ sở các tài khoản quốc gia đến năm 2010 kể từ năm.

2/ Theo đề cương của sách *Hướng dẫn Thống kê Tài chính của Chính phủ năm 2001*.

3/ Không bao gồm khoản vay ròng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

4/ Không bao gồm tiền gửi của Chính phủ.

5/ Sử dụng tỷ giá hối đoái liên ngân hàng.